

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

CL - 100 (TREBAC)



Ngày: 15/06/2011

Version: 01

1. TÊN SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT

TÊN SẢN PHẨM: CL-100
VIẾT TẮT: NA
ỨNG DỤNG: Xử lý vi khuẩn trong cặn sôn và nước thải

NHÀ SẢN XUẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÚC TIẾN CÔNG NGHỆ MỚI ATP

Số 1, dãy 3 ngõ 183A, Lĩnh Nam, Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội

Tel: (84-4) 6657.6547

Fax: (84-4) 3562.5944

Email: sale@atpcorporation.com.vn

2. NHẬN DẠNG MỐI NGUY

TỔNG QUAN TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

- Tinh thể màu trắng, dạng hạt hoặc máy tính bảng với chất kích thích mùi của axit hypochloric.
- Chất oxy hóa.
- Liên hệ với các chất dễ cháy có thể gây cháy.

NGUY CƠ ẢNH HƯỞNG SỨC KHỎE

Có hại nếu nuốt phải. Dị ứng cho mắt và hệ hô hấp. Tiếp xúc với axit hoặc kiềm sẽ cung cấp cho ra khí độc.

3. THÔNG TIN THÀNH PHẦN

Tên sản phẩm	CAS#	Wt.%	EC No.	EC Class
Trichloroisocyanuric	87-90-1	60	NA	Not classified
Promote powder	NA	30	NA	Not classified
Super Additive	NA	10	NA	Not classified

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Mắt: Ngay lập tức tuôn ra với nước trong ít nhất 15 phút, nâng trên và dưới mí mắt liên tục. Nhìn thấy một bác sĩ y khoa hoặc bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức.

Da: Cởi quần áo và giày dép có dính, rửa sạch với nhiều nước và xà phòng. Chăm sóc y tế nếu có khó chịu và vẫn tồn tại.

Nuốt phải: Súc miệng bằng nước. Pha loãng bằng cách cho 2 hoặc 4 ly nước hoặc sữa. Không induce vomiting. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nhìn thấy một bác sĩ y khoa ngay lập tức.

Hít phải: Hủy bỏ không khí trong lành. Nếu khó thở hoặc khó chịu xảy ra và vẫn còn, liên hệ với một bác sĩ y khoa.

Lưu ý với bác sỹ: CL-100 ở nồng độ này là một chất oxy hóa mạnh mẽ. Trực tiếp contact with mắt có thể gây ra tổn thương giác mạc đặc biệt là nếu không rửa sạch ngay lập tức.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Vật liệu chữa cháy: Cát hoặc nước

Nguy cơ cháy/nổ: Sản phẩm không tự bắt cháy. Khi bị phân hủy giải phóng oxi có thể gây cháy

Trình tự chữa cháy: Bất kỳ xe tăng hay bình chữa được bao quanh bởi lửa nên bị ngập nước để làm mát. Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ và tự thở có bộ máy.

Giới hạn bắt cháy: Không có dữ liệu

Tác động đến độ nhạy: Không có dữ liệu

Độ nhạy phóng tĩnh điện: Không có dữ liệu

6. BIỆN PHÁP TAI NẠN

THẬN TRỌNG AN TOÀN NGƯỜI LIÊN QUAN: Sau khi liên lạc, sử dụng nước để rửa.

BIỆN PHÁP CHO MÔI TRƯỜNG: Giữ khô và mát mẻ, trong ánh sáng mặt trời và mưa.

RÒ RỈ/TRÀN ĐỔ: Máy hút hoặc quét lên các tài liệu và đưa vào xử lý phù hợp

Tránh sử dụng các công cụ bằng kim loại hoặc container.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

XỬ LÝ: Tránh hít bụi, hơi nước, sương mù, hoặc khí. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh tiếp xúc với quần áo và các vật liệu dễ cháy khác.

BẢO QUẢN: Để nơi khô ráo và mát mẻ. Tránh xa ánh sáng mặt trời và mưa, không liên hệ với các vật liệu có tính axit và kiềm.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN TIẾP XÚC: NA

THIẾT BỊ BẢO HỘ CÁ NHÂN: Mang kính bảo hộ hóa chất, găng tay hoặc mặt nạ và quần áo bảo hộ thích hợp

9. ĐẶC TÍNH LÝ HOÁ

MÙI:	Chlor
NGOẠI QUAN:	Tinh thể trắng
NHIỆT ĐỘ BẮT CHÁY:	Không bắt cháy
NHIỆT ĐỘ SÔI:	Không áp dụng
HỆ SỐ DẦU/NƯỚC:	Không áp dụng
TỶ TRỌNG/TRỌNG LƯỢNG/THỂ TÍCH:	0.9 ~ 1.8
TỐC ĐỘ BAY HƠI:	Không áp dụng
ĐIỂM CHÓP CHÁY:	Không bắt cháy
ĐIỂM ĐÔNG:	Không bắt cháy
KHỬ MÙI THRESHOLD:	Không áp dụng
TÍNH CHẤT OXI HÓA:	Chất oxi hóa mạnh
PHẦN TRĂM BAY HƠI:	Không áp dụng
ĐỘ TAN TRONG NƯỚC:	1.2g /100g (25) tan trong nước.
TỶ TRỌNG TIÊU CHUẨN:	Không áp dụng
TỶ TRỌNG HƠI:	(Air = 1): Không áp dụng
ÁP SUẤT HƠI:	Không áp dụng

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

ĐIỀU KIỆN ĐỂ TRÁNH: vật liệu không tương thích, axit, kiềm, độ ẩm hoặc nước.

ĐỘ ỔN ĐỊNH: ổn định dưới nhiệt độ và áp suất bình thường.

TRÙNG HỢP: không xảy ra

CHẤT KHÔNG TƯƠNG THÍCH: Hydro clorua, oxit nitơ và nitơ.

NGUY HIỂM KHI SẢN PHẨM PHÂN HỦY: NA

GÓP Ý: Các vật liệu không: Hydro clorua, oxit nitơ và nitơ.

11. THÔNG TIN ĐỘC

ĐỘC TÍNH CẤP: C6

ẢNH HƯỞNG KÍCH ỨNG CƠ BẢN: Naupathia và ho, khó thở.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

NA

13. THẢI BỎ

PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ: Vứt bỏ một cách tuân thủ các liên bang, tiểu bang và địa phương quy định.

ĐÓNG GÓI KHÔNG RÕ RÀNG: Cấm.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

TÊN VẬN CHUYỂN: CL-100

LOẠI CHẤT NGUY HẠI, CƠ BẢN: 5.1 (Oxidizer)

LOẠI CHẤT NGUY HẠI, NHÁNH: 8

SỐ UN/NA: UN 2014

NHÓM ĐÓNG GÓI: II

LABEL(S): Oxidizer, Corrosive

15. THÔNG TIN CHẾ ĐỊNH

NA

16. THÔNG TIN KHÁC

Bảng dữ liệu an toàn vật liệu và thông tin mà nó chứa cung cấp cho bạn một đức tin tốt như chính xác. Chúng tôi đã xem xét các thông tin trong bảng dữ liệu này mà chúng tôi nhận được từ các nguồn bên ngoài công ty của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng các thông tin là chính xác, nhưng không thể đảm bảo hoàn toàn tính chính xác hay đầy đủ của nó. Các biện pháp phòng ngừa sức khỏe và an toàn trong các bảng dữ liệu có thể không đủ cho tất cả các cá nhân và / hoặc tình huống. Đó là nghĩa vụ của người sử dụng đánh giá và sử dụng an toàn sản phẩm này và tuân thủ tất cả các luật và quy định. Không báo cáo được thực hiện trong bảng dữ liệu này được xây dựng như là một sự cho phép hoặc khuyến cáo về việc sử dụng bất kỳ sản phẩm một cách cáccó thể vi phạm các bằng sáng chế hiện tại. Không đảm bảo hoặc thực hiện rõ ràng hay ngụ ý.
